UBND XÃ LÙNG PHÌNH **VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 35 /BC-VP	*Lùng Phình, ngày 30 tháng 9 năm 2026*

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện dự án công trình Đường từ thôn Nhiều Cù Ván A đến thôn Tẩn Chư, xã Lùng Phình, tỉnh Lào Cai

Kính gửi:
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND xã Lùng Phình;
- Phòng Kinh tế xã;
- Tổ công tác đặc biệt theo QĐ: 470/QĐ-UBND ngày 20/8/2026.

Thực hiện nhiệm vụ của Chủ đầu tư và các ý kiến chỉ đạo của UBND xã Lùng Phình về xử lý công trình chậm tiến độ; trên cơ sở hợp đồng xây lắp, hợp đồng quản lý dự án - tư vấn giám sát, các giấy mời, thông báo kết luận, văn bản giao nhiệm vụ, biên bản kiểm tra hiện trường và hồ sơ quản lý chất lượng có liên quan, Văn phòng HĐND và UBND xã báo cáo tình hình thực hiện, những khó khăn, vướng mắc, trách nhiệm của các chủ thể và đề xuất phương án xử lý như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên công trình: Đường từ thôn Nhiều Cù Ván A đến thôn Tẩn Chư, xã Lùng Phình, tỉnh Lào Cai.

2. Chủ đầu tư: Văn phòng HĐND và UBND xã Lùng Phình.

3. Nhà thầu thi công: Liên danh Công ty xây dựng Bắc Hà và Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Uy Long.

4. Đơn vị quản lý dự án, tư vấn giám sát: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực Bắc Hà.

5. Quy mô chủ yếu: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường với tổng chiều dài khoảng 5,71 km; kết cấu mặt đường bê tông xi măng dày 20 cm; nền đường cơ bản rộng 6,5 m, mặt đường rộng 5,5 m; tại một số vị trí địa hình khó khăn thực hiện theo thông số châm chước đã được phê duyệt; có hệ thống thoát nước và an toàn giao thông theo hồ sơ thiết kế.

6. Tổng mức đầu tư: 17.173 triệu đồng (theo Thông báo kết luận cuộc họp ngày 10/8/2026; số liệu phải tiếp tục đối chiếu với quyết định phê duyệt dự án và quyết định tiếp nhận dự án trước khi ký phát hành).

7. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu, ngân sách địa phương, Nhân dân tham gia đóng góp và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quyết định phê duyệt.

8. Thời gian thực hiện hợp đồng xây lắp: 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Hợp đồng điện tử thể hiện hiệu lực từ ngày 22/9/2025; các văn bản chỉ đạo sau đó có mốc cam kết hoàn thành ngày 25/9/2026 và mốc tổ chức thi công đến cuối

tháng 9/2026. Khi xác định vi phạm tiến độ phải lấy hợp đồng, phụ lục hợp đồng và tiến độ được chấp thuận làm căn cứ pháp lý trực tiếp.

II. CĂN CỨ HỒ SƠ, VĂN BẢN CHỈ ĐẠO VÀ QUÁ TRÌNH ĐÔN ĐỐC

1. Hợp đồng xây lắp và hợp đồng tư vấn

- Hợp đồng điện tử số HĐ2500146818_2509172038, Gói thầu số 02 - Thi công xây dựng công trình Đường từ thôn Nhiều Cù Ván A đến thôn Tẩn Chư; giá hợp đồng trọn gói 14.603.960.662 đồng; thời gian thực hiện 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Đây là căn cứ trực tiếp để đối chiếu phạm vi công việc, nhân sự, thiết bị, tiến độ, nghiệm thu, thanh toán, vi phạm và trách nhiệm của Liên danh nhà thầu.

- Hợp đồng số 10/2025/HĐTV ngày 16/12/2025 giữa Văn phòng HĐND và UBND xã Lùng Phình và Ban QLDA ĐTXD khu vực Bắc Hà về quản lý dự án, giám sát công trình; giá trị 68.143.680 đồng. Hợp đồng xác định Ban QLDA thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án, giám sát, kiểm tra chất lượng, theo dõi tiến độ, nghiệm thu và báo cáo, là căn cứ đánh giá mức độ thực hiện trách nhiệm của đơn vị được thuê hỗ trợ Chủ đầu tư.

2. Các văn bản chỉ đạo, kiểm tra và đôn đốc của UBND xã/Chủ đầu tư

- Giấy mời họp lần đầu ngày 22/4/2026 và Giấy mời họp lần 2 tháng 5/2026: UBND xã yêu cầu Ban QLDA báo cáo công tác giám sát, Liên danh nhà thầu báo cáo khối lượng, phương án tổ chức thi công và cam kết tiến độ. Hồ sơ thể hiện nhà thầu không cử đại diện dự cuộc làm việc ngày 24/4/2026, vì vậy UBND xã phải triệu tập lần 2 vào ngày 07/5/2026.

- Văn bản số 575/UBND-VP ngày 12/5/2026 về giao nhiệm vụ phụ trách giải quyết dứt điểm các công trình tồn đọng, kéo dài, chậm tiến độ: giao đồng chí Hà Đức Thành - Phó Chủ tịch UBND xã trực tiếp phụ trách; trường hợp chủ đầu tư, đơn vị tư vấn, nhà thầu chây ỳ, không phối hợp, không thi công theo cam kết hoặc không hoàn thiện hồ sơ thanh toán, giải ngân thì tham mưu phương án xử lý, báo cáo Chủ tịch UBND xã xem xét chuyển cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý theo quy định.

- Giấy mời kiểm tra ngày 13/5/2026 của Văn phòng HĐND và UBND xã: tổ chức kiểm tra hiện trường, xác nhận khối lượng, đối chiếu hồ sơ tạm ứng, xác định khối lượng đủ điều kiện thanh toán, thu hồi/hoàn trả tạm ứng và tổng hợp khó khăn, vướng mắc.

- Thông báo kết luận ngày 09/6/2026 của Phó Chủ tịch UBND xã: xác định tại thời điểm đánh giá khối lượng thực hiện mới khoảng 10,27%, tiến độ rất chậm; chỉ ra vướng mắc về chuyển Chủ đầu tư, hồ sơ lựa chọn nhà thầu, nghiệm thu, vật liệu và việc nhà thầu chưa bố trí đủ máy móc, nhân lực; đồng thời yêu cầu Ban QLDA hỗ trợ hoàn thiện thủ tục, tổ chức nghiệm thu, Văn phòng hoàn thiện thủ tục liên quan và làm rõ trách nhiệm các bên. Văn bản cũng nêu sau ngày 30/6/2026, nếu nhà thầu không bảo đảm yêu cầu tiến độ hoàn thành khối lượng trả ứng thì báo cáo cơ quan chức năng giải quyết theo quy định.

- Thông báo kết luận cuộc họp ngày 15/7/2026: tiếp tục yêu cầu nhà thầu huy động đầy đủ nhân lực, máy móc, thiết bị, vật tư; Ban QLDA chịu trách nhiệm quản lý, giám sát tiến độ và chất lượng, kiểm tra tim tuyến, cao độ; Văn phòng theo dõi, đôn đốc, phối hợp nghiệm thu và báo cáo hằng tuần. Trường hợp nhà thầu không bảo đảm tiến độ, UBND xã xem xét các biện pháp xử lý theo hợp đồng và quy định pháp luật.

- Thông báo kết luận cuộc họp ngày 10/8/2026 do Chủ tịch UBND xã chủ trì: đánh giá dự án có nguy cơ nghiêm trọng về giải ngân và thu hồi tạm ứng; xác định trách nhiệm của Ban QLDA/TVGS, nhà thầu và Chủ đầu tư; yêu cầu nhà thầu khắc phục sai cao độ, hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu, xử lý phần việc của thành viên liên danh Uy Long và cam kết tiến độ; yêu cầu Ban QLDA tăng cường giám sát; giao Văn phòng tham mưu biện pháp xử lý hợp đồng.

- Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 20/8/2026 thành lập Tổ công tác đặc biệt và Thông báo kết luận ngày 23/8/2026: phân nhóm rà soát hồ sơ pháp lý - chất lượng - thanh toán; kiểm tra tiến độ, khối lượng, nhân lực, máy móc ngoài hiện trường; xử lý mặt bằng; yêu cầu nhà thầu lập kế hoạch thi công chi tiết, huy động đủ nguồn lực và thực hiện đầy đủ hồ sơ quản lý chất lượng.

3. Nguyên tắc sử dụng các văn bản làm căn cứ xử lý

Các văn bản chỉ đạo nêu trên chứng minh quá trình UBND xã và Chủ đầu tư đã nhiều lần kiểm tra, triệu tập làm việc, giao nhiệm vụ, ấn định thời hạn và yêu cầu khắc phục. Tuy nhiên, khi áp dụng chế tài hợp đồng, thu hồi bảo lãnh, chấm dứt hợp đồng hoặc xác định trách nhiệm bồi thường, phải căn cứ trước hết vào hợp đồng, phụ lục hợp đồng, hồ sơ mời thầu/dự thầu, tiến độ được chấp thuận, biên bản nghiệm thu - kiểm tra và chứng cứ vi phạm cụ thể; văn bản chỉ đạo là căn cứ quản lý, đôn đốc và chứng minh quá trình xử lý, không thay thế điều kiện pháp lý của từng chế tài.

III. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

Dự án được triển khai trên cơ sở các quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, dự án/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, hồ sơ thiết kế - dự toán, kết quả lựa chọn nhà thầu và hợp đồng đã ký kết. Trong quá trình triển khai, dự án có điều chỉnh, bổ sung quy mô và cơ cấu dự toán để phù hợp tình hình thực tế, giá nguyên nhiên vật liệu, nhân công và làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu.

Theo hồ sơ đang quản lý, UBND xã Bắc Hà đã ban hành Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 28/3/2025 phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 23/4/2025 về kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật; Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/5/2025 phê duyệt dự án; Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án. Ban QLDA ĐTXD khu vực Bắc Hà ban hành Quyết định số 416/QĐ-BQLDA ngày 18/8/2025 phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu thi công xây dựng và thực hiện các bước đánh giá, thẩm định, lựa chọn nhà thầu theo hồ sơ dự án.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN VÀ TÌNH TRẠNG TIẾN ĐỘ

1. Khối lượng và giá trị thực hiện

- Nền đường đã triển khai khoảng 5,7 km; trong đó khối lượng bước đầu xác định đủ điều kiện nghiệm thu khoảng 3,7 km.

- Móng cấp phối đã rải khoảng 2,0 km nhưng chưa đủ điều kiện nghiệm thu do chưa bảo đảm đầy đủ chiều dày, lu lèn và hoàn thiện khuôn đường.

- Đang triển khai 05 cống thoát nước ngang, trong đó 02 cống còn dở dang; vật liệu tập kết tại công trường gồm khoảng 120 m^3 cát và khoảng 700 m^3 đá 2x4.

Giá trị thực hiện ước khoảng 2.500 triệu đồng/14.600 triệu đồng, tương đương khoảng 17% giá trị hợp đồng xây lắp; trong giá trị này còn có khối lượng chưa hoàn chỉnh, chưa đủ điều kiện nghiệm thu. Như vậy, tại thời điểm kết thúc hợp đồng ngày 26/9/2026, khối lượng còn lại rất lớn, tiến độ thực tế không đáp ứng tiến độ hợp đồng và các cam kết của nhà thầu.

2. Kế hoạch vốn, giải ngân và thu hồi tạm ứng

Tổng kế hoạch vốn đã bố trí theo số liệu báo cáo là 13.956 triệu đồng, gồm kế hoạch vốn năm 2025 là 5.956 triệu đồng và kế hoạch vốn năm 2026 là 8.000 triệu đồng. Tổng số vốn đã giải ngân dưới hình thức tạm ứng hợp đồng là 5.956 triệu đồng; Chủ đầu tư đã tổ chức nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành để thu hồi một phần vốn tạm ứng 1.145 triệu đồng.

Số dư tạm ứng chưa được thu hồi còn ở mức lớn. Tiến độ thi công thấp dẫn đến nguy cơ không có đủ khối lượng hoàn thành đủ điều kiện nghiệm thu, thanh toán để thu hồi tạm ứng và giải ngân kế hoạch vốn năm 2026, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công của địa phương. Số liệu chi tiết về số đã thu hồi và số dư tạm ứng sẽ được đối chiếu với hồ sơ thanh toán, Kho bạc Nhà nước trước khi thực hiện các bước xử lý tài chính tiếp theo.

3. Năng lực huy động nhân sự của nhà thầu

Qua kiểm tra thực tế trong tháng 9/2026, việc huy động nhân lực của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu theo hồ sơ dự thầu/hợp đồng. Hồ sơ trúng thầu yêu cầu 01 Chỉ huy trưởng, 01 cán bộ kỹ thuật; tại thời điểm kiểm tra không có các nhân sự này tại công trường. Số công nhân theo biểu đồ huy động trung bình khoảng 25-30 người/ngày, trong khi thực tế chỉ khoảng 5-10 người/ngày. Việc thiếu nhân sự chủ chốt và lực lượng thi công trực tiếp làm giảm đáng kể khả năng tổ chức, điều hành và kiểm soát chất lượng, tiến độ tại hiện trường.

4. Năng lực huy động máy móc, thiết bị

Tại thời điểm kiểm tra, nhà thầu có huy động ô tô và máy đào; tuy nhiên nhiều thiết bị theo hồ sơ trúng thầu chưa có tại công trường, gồm máy trộn bê tông, đầm bàn, đầm dùi, máy phát điện, đầm cóc, máy lu, máy cắt bê tông, ô tô tưới nước. Mức độ huy động thiết bị không tương xứng với khối lượng còn lại và yêu cầu hoàn thành công trình trong thời gian hợp đồng.

V. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, CHỈ ĐẠO, ĐÔN ĐỐC CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

Quá trình chỉ đạo, đôn đốc được thực hiện liên tục theo nhiều cấp độ: triệu tập nhà thầu làm việc; kiểm tra hiện trường và đối chiếu hồ sơ; giao Phó Chủ tịch UBND xã trực tiếp phụ trách xử lý công trình chậm tiến độ; yêu cầu Ban QLDA/TVGS báo cáo và thực hiện trách nhiệm theo hợp đồng; ấn định các mốc nghiệm thu, thanh toán, thu hồi tạm

ứng; tổ chức các cuộc họp tháng 6, tháng 7 và tháng 8/2026; thành lập Tổ công tác đặc biệt để kiểm tra hồ sơ, tiến độ, khối lượng, nhân lực, thiết bị và mặt bằng. Diễn biến cụ thể được tổng hợp tại Phụ lục 01 kèm theo Báo cáo này.

Trong tháng 6/2026, Văn phòng HĐND và UBND xã đã có văn bản yêu cầu Ban QLDA thực hiện đầy đủ vai trò quản lý dự án, giám sát thi công; phối hợp hoàn thiện hồ sơ chất lượng, nghiệm thu chuyển bước, đồng thời yêu cầu nhà thầu tập trung nhân lực, vật lực, máy móc, thiết bị và cán bộ kỹ thuật. Ngày 15/7/2026, lãnh đạo UBND xã tiếp tục kết luận, yêu cầu huy động đầy đủ nguồn lực, ưu tiên cống thoát nước và móng cấp phối. Ngày 10/8/2026 và sau đó tại Kết luận số 97/KL-UBND ngày 13/8/2026, các bên tiếp tục được yêu cầu khắc phục tồn tại về tiến độ, chất lượng, hồ sơ nghiệm thu và giải ngân. UBND xã đã thành lập Tổ công tác đặc biệt theo Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 20/8/2026 để tăng cường kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn. Tuy nhiên, đến khi hết thời hạn hợp đồng, tiến độ thực tế vẫn không đạt yêu cầu.

VI. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

Bên cạnh nguyên nhân trực tiếp từ nhà thầu, hồ sơ chỉ đạo của UBND xã cũng cho thấy dự án đồng thời tồn tại vướng mắc về chuyển giao Chủ đầu tư, thủ tục trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, nghiệm thu khối lượng, nguồn vật liệu, điều kiện địa hình - kỹ thuật và cơ chế phối hợp. Vì vậy, việc đánh giá trách nhiệm cần tách bạch rõ: khó khăn khách quan; hạn chế năng lực tổ chức của Chủ đầu tư; mức độ thực hiện hợp đồng của Ban QLDA/TVGS; và vi phạm thuộc trách nhiệm nhà thầu. Việc nêu khó khăn của Chủ đầu tư nhằm phản ánh đúng điều kiện thực tế, không nhằm loại trừ trách nhiệm quản lý.

1. Về tổ chức bộ máy và nhân lực chuyên môn của Chủ đầu tư

Văn phòng HĐND và UBND xã là cơ quan tham mưu, tổng hợp, đồng thời được giao thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư nhưng không phải là đơn vị chuyên trách về quản lý dự án đầu tư xây dựng. Hiện Văn phòng không có cán bộ chuyên trách có chuyên môn sâu về xây dựng, giao thông trực tiếp làm đầu mối quản lý thường xuyên dự án; cán bộ, lãnh đạo Văn phòng phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ hành chính, tổng hợp, phục vụ hoạt động HĐND, UBND và các nhiệm vụ đột xuất khác. Vì vậy, việc dành nhân lực thường trực tại công trường, kiểm soát sâu các nội dung kỹ thuật, tiến độ, khối lượng, hồ sơ chất lượng và hợp đồng gặp nhiều hạn chế.

Đặc biệt, trong điều kiện dự án có quy mô lớn, thời gian thi công kéo dài, nhiều nội dung kỹ thuật phát sinh, việc không có một cán bộ chuyên môn xây dựng làm đầu mối chịu trách nhiệm chính giúp lãnh đạo Văn phòng theo dõi xuyên suốt đã ảnh hưởng đến tính liên tục trong công tác quản lý, tổng hợp thông tin, cảnh báo rủi ro và tham mưu xử lý ngay từ thời điểm phát sinh.

Thực tế này càng rõ khi Văn phòng vừa phải thực hiện chức năng tham mưu tổng hợp, văn thư - hành chính và nhiều nhiệm vụ thường xuyên khác, vừa đảm nhiệm vai trò Chủ đầu tư. Không có cán bộ chuyên trách quản lý dự án làm đầu mối duy nhất giúp lãnh đạo Văn phòng theo dõi từ hồ sơ pháp lý, hợp đồng, tiến độ, chất lượng đến nghiệm thu - thanh toán nên việc tổng hợp thông tin phụ thuộc nhiều vào

Ban QLDA/TVGS và các bên thực hiện. Đây là điểm nghẽn về tổ chức cần được khắc phục bằng việc giao đầu mối cụ thể, quy chế báo cáo và cơ chế kiểm soát hiện trường thường xuyên.

2. Về mô hình thuê đơn vị quản lý dự án và tư vấn giám sát

Do Chủ đầu tư không có bộ máy quản lý dự án chuyên ngành, một số nhiệm vụ quản lý dự án và tư vấn giám sát được thực hiện thông qua đơn vị tư vấn/Ban QLDA theo hợp đồng. Đây là giải pháp cần thiết để bù đắp hạn chế về chuyên môn của Chủ đầu tư; tuy nhiên hiệu quả thực tế phụ thuộc rất lớn vào mức độ hiện diện tại hiện trường, chất lượng báo cáo, khả năng cảnh báo và sự chủ động tham mưu của đơn vị được thuê.

Ban QLDA/tư vấn giám sát có trụ sở, nhân sự làm việc cách xa hiện trường dự án; địa bàn thi công trải dài, điều kiện đi lại khó khăn, thời tiết và địa hình miền núi phức tạp. Việc bố trí cán bộ thường trực, phối hợp kiểm tra, nghiệm thu, xử lý ngay các vướng mắc kỹ thuật tại hiện trường vì vậy có thời điểm chưa kịp thời. Chủ đầu tư khó có thể trực tiếp thay thế chức năng chuyên môn của tư vấn giám sát; khi thông tin, hồ sơ hoặc kiến nghị chuyên môn từ đơn vị tư vấn chậm thì việc chỉ đạo, quyết định của Chủ đầu tư cũng bị ảnh hưởng.

3. Về cơ chế phối hợp giữa Chủ đầu tư - Ban QLDA/tư vấn giám sát - nhà thầu

Dự án có nhiều chủ thể tham gia, trong khi việc trao đổi thông tin, báo cáo tiến độ, xác nhận khối lượng, nghiệm thu chuyển bước và xử lý tồn tại chưa hình thành được cơ chế phối hợp thực sự liên tục, chặt chẽ. Có thời điểm Chủ đầu tư phải nhiều lần ban hành văn bản đôn đốc nhưng việc tổ chức thực hiện tại hiện trường chưa tương xứng; thông tin phản hồi từ nhà thầu và đơn vị tư vấn chưa đầy đủ, làm giảm hiệu quả điều hành và kéo dài thời gian xử lý.

4. Về việc tiếp nhận, kế thừa dự án và hồ sơ qua quá trình tổ chức lại quản lý

Dự án được chuẩn bị, phê duyệt và triển khai từ trước khi Văn phòng HĐND và UBND xã Lùng Phình thực hiện đầy đủ vai trò Chủ đầu tư trong bối cảnh tổ chức chính quyền địa phương có thay đổi. Quá trình tiếp nhận, rà soát, kế thừa hồ sơ pháp lý, hồ sơ thiết kế, mốc tuyến, hợp đồng và các nghĩa vụ đã phát sinh trước đó cần thời gian để kiểm tra, đối chiếu. Một số nội dung phải phối hợp với chủ thể quản lý trước đây, Ban QLDA, đơn vị thiết kế và nhà thầu, làm tăng khối lượng công việc quản lý và nguy cơ gián đoạn thông tin.

5. Về kiểm soát tiến độ, chất lượng và hồ sơ nghiệm thu

Khối lượng thi công thực tế có phần chưa hoàn chỉnh, chưa đủ điều kiện nghiệm thu; hồ sơ quản lý chất lượng có thời điểm chưa được hoàn thiện đồng bộ với khối lượng thi công. Điều này gây khó khăn cho Chủ đầu tư trong việc xác định chính xác giá trị hoàn thành, thanh toán, thu hồi tạm ứng và đánh giá mức độ thực hiện nghĩa vụ hợp đồng. Khi nhân sự chủ chốt của nhà thầu không thường xuyên có mặt, việc lập, ký và hoàn thiện hồ sơ kỹ thuật càng chậm.

6. Về áp lực giải ngân và bảo toàn vốn tạm ứng

Kế hoạch vốn năm 2026 lớn trong khi khối lượng đủ điều kiện nghiệm thu thấp; số vốn tạm ứng chưa thu hồi còn cao. Chủ đầu tư đồng thời phải bảo đảm tiến độ giải ngân và nguyên tắc chỉ thanh toán khối lượng đủ điều kiện, không được vì áp lực giải ngân mà hạ thấp yêu cầu về chất lượng, hồ sơ nghiệm thu. Đây là áp lực lớn trong điều hành dự án khi nhà thầu không tạo được khối lượng hoàn thành tương xứng.

7. Về thẩm quyền và khả năng xử lý của Chủ đầu tư cấp xã

Chủ đầu tư có thể áp dụng các biện pháp quản lý hợp đồng trong phạm vi thẩm quyền và điều khoản đã ký; tuy nhiên đối với các vấn đề liên quan đến năng lực pháp lý của doanh nghiệp, bảo lãnh, thu hồi vốn, xử lý vi phạm vượt phạm vi hợp đồng hoặc dấu hiệu vi phạm pháp luật cần có sự phối hợp, hướng dẫn và xử lý của cơ quan chuyên môn, cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước và cơ quan có thẩm quyền. Điều này đòi hỏi hồ sơ phải được củng cố đầy đủ, khách quan trước khi đề xuất biện pháp mạnh hơn.

VII. ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM CÁC CHỦ THỂ VÀ RỦI RO

1. Đối với nhà thầu thi công: Việc huy động nhân sự, thiết bị tại thời điểm kiểm tra không đáp ứng hồ sơ trúng thầu và yêu cầu tiến độ; thiếu nhân sự chủ chốt tại công trường; số lượng lao động thấp; tiến độ hết hạn nhưng giá trị thực hiện mới khoảng 17%. Đây là nhóm tồn tại trực tiếp, cần được xử lý trên cơ sở hợp đồng, hồ sơ dự thầu và tài liệu kiểm tra hiện trường.

2. Đối với Ban QLDA/tư vấn giám sát: Công tác kiểm soát tiến độ, chất lượng, nhân lực, thiết bị và việc tham mưu biện pháp xử lý có mặt chưa kịp thời, chưa tạo chuyển biến rõ rệt. Cần rà soát trách nhiệm cụ thể theo hợp đồng tư vấn, nhật ký giám sát, báo cáo định kỳ và các văn bản đã phát hành.

3. Đối với Chủ đầu tư: Đã thực hiện nhiều biện pháp kiểm tra, đôn đốc, tổ chức họp và thành lập Tổ công tác đặc biệt; tuy nhiên cần nghiêm túc nhìn nhận hạn chế về năng lực tổ chức quản lý dự án, cơ chế phối hợp, kiểm soát tiến độ và việc yêu cầu đơn vị tư vấn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ. Chủ đầu tư cần tiếp tục khắc phục ngay các hạn chế thuộc phạm vi trách nhiệm của mình.

4. Rủi ro trọng yếu: kéo dài thời gian thực hiện dự án; không hoàn thành mục tiêu giải ngân; chậm thu hồi vốn tạm ứng; phát sinh chi phí; suy giảm chất lượng do công trình dở dang kéo dài; khó khăn trong xử lý hợp đồng và lựa chọn phương án tiếp tục thi công; ảnh hưởng quyền lợi Nhà nước, địa phương và Nhân dân.

VIII. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở thực trạng nêu trên, Văn phòng HĐND và UBND xã đề nghị Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND xã, Phòng Kinh tế và Tổ công tác đặc biệt xem xét, chỉ đạo thực hiện đồng bộ các nội dung sau:

Hợp đồng thi công xây dựng hết hạn (ngày 26/9/2026) nhưng khối lượng thực hiện mới đạt khoảng 17%. Mặc dù Chủ đầu tư đã áp dụng nhiều biện pháp đôn đốc nhưng tình hình thi công không có chuyển biến.

Nhận thấy sự việc có tính chất phức tạp do Liên danh nhà thầu mất năng lực thi công và có yếu tố rủi ro pháp lý cao. Liên danh nhà thầu vi phạm nghiêm trọng hợp

đồng, có dấu hiệu chây ỳ, lạm dụng vốn tạm ứng của Nhà nước (4.855 triệu đồng) và có yếu tố rủi ro pháp lý liên quan đến lãnh đạo doanh nghiệp. Chỉ huy trưởng công trường và cán bộ kỹ thuật không có trên công trường, Chủ đầu tư nghi ngờ Công ty không có nhân lực về cán bộ kỹ thuật. Sự việc hiện đã vượt quá thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính, vượt quá thẩm quyền xử lý của Chủ đầu tư cấp xã (Văn phòng HĐND và UBND xã).

UBND xã đã thành lập Tổ công tác đặc biệt tuy nhiên việc tháo gỡ là không có kết quả do nhà thầu chây ỳ, bất hợp tác; tại Biên bản làm việc ngày 30/9/2026 đã thống nhất xác định Liên danh nhà thầu thi công có thái độ chây ỳ, vi phạm hợp đồng nghiêm trọng, thi công đình trệ, khả năng vận hành tài chính khó khăn. Vì vậy, Văn phòng HĐND và UBND xã báo cáo Phòng Kinh tế, Tổ Công tác đặc biệt *(thành lập theo Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 20/8/2026),* Thường trực ĐU-HĐND-UBND, Ban Thường vụ xã Lùng Phình xem xét, có hướng chỉ đạo về phương án giải quyết dứt điểm đồng thời đề xuất: **Đề nghị chuyển hồ sơ công trình "Đường từ thôn Nhiều Cù Ván A đến thôn Tẩn Chư, xã Lùng Phình, tỉnh Lào Cai"** đến cơ quan chức năng có thẩm quyền để xác minh, làm rõ các dấu hiệu vi phạm hợp đồng nêu trên.

IX. KẾT LUẬN

Công trình đã hết thời hạn thực hiện hợp đồng nhưng khối lượng hoàn thành còn thấp; việc huy động nhân lực, thiết bị của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu; số vốn tạm ứng chưa thu hồi còn lớn và kế hoạch vốn năm 2026 đứng trước nguy cơ không giải ngân theo kế hoạch. Trong khi đó, Chủ đầu tư là cơ quan hành chính tổng hợp, không có bộ máy quản lý dự án chuyên ngành và phải thuê đơn vị quản lý dự án/tư vấn giám sát ở xa hiện trường, nên công tác phối hợp, kiểm soát kỹ thuật và xử lý tình huống phát sinh gặp nhiều khó khăn.

Văn phòng HĐND và UBND xã xác định cần tiếp tục thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Chủ đầu tư, khắc phục các hạn chế về tổ chức quản lý, đồng thời kiên quyết xử lý các vi phạm hợp đồng có đủ căn cứ; bảo toàn, thu hồi vốn Nhà nước; xác định rõ trách nhiệm của từng chủ thể và đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét những vấn đề vượt thẩm quyền. Trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật khác qua rà soát hồ sơ, thực hiện chuyển cơ quan chức năng theo đúng trình tự.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện, tiến độ, công tác quản lý hợp đồng, khó khăn, vướng mắc và đề xuất phương án xử lý đối với công trình Đường từ thôn Nhiều Cù Ván A đến thôn Tẩn Chư, xã Lùng Phình, tỉnh Lào Cai của Văn phòng HĐND và UBND xã./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, VP.

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
VĂN PHÒNG H.Đ.N.D VÀ U.B.N.D
X. LÙNG PHÌNH - T. LÀO CAI

Vũi Kim Sơn

PHỤ LỤC 01
BẢNG TỔNG HỢP CÁC LẦN CHỈ ĐẠO, ĐÔN ĐỐC, KIỂM TRA TIẾN ĐỘ DỰ ÁN

(Kèm theo Báo cáo số 35./BC-VP ngày 01/10/2026 của Văn phòng HĐND và UBND xã Lùng Phình)

STT	Thời gian	Văn bản/hoạt động	Nội dung chỉ đạo, đôn đốc trọng tâm	Đối tượng thực hiện	Kết quả/ghi chú
1	22-24/4/2026	Giấy mời/làm việc lần đầu của UBND xã	Mời Liên danh nhà thầu làm việc để tháo gỡ vướng mắc, cam kết tiến độ; nhà thầu không cử đại diện dự ngày 24/4.	Ban QLDA; Liên danh nhà thầu	Phải triệu tập lần 2.
2	07/5/2026	Giấy mời họp lần 2 của UBND xã	Đánh giá tiến độ theo hợp đồng; yêu cầu Ban QLDA báo cáo giám sát, từng thành viên liên danh báo cáo khối lượng, phương án thi công và cam kết thời gian.	Ban QLDA; Liên danh nhà thầu; Phòng Kinh tế; Văn phòng	Tiếp tục yêu cầu khắc phục chậm tiến độ.
3	12/5/2026	Văn bản số 575/UBND-VP	Giao PCT UBND xã Hà Đức Thành trực tiếp phụ trách xử lý công trình tồn đọng, chậm tiến độ; cho phép tham mưu phương án xử lý và báo cáo Chủ tịch xem xét chuyển cơ quan chức năng khi có hành vi chây ỳ, không phối hợp.	PCT UBND xã; Phòng Kinh tế; Văn phòng	Là căn cứ chỉ đạo xuyên suốt.
4	13/5/2026	Giấy mời kiểm tra hiện trường của Chủ đầu tư	Kiểm tra khối lượng; đối chiếu hồ sơ tạm ứng; xác định khối lượng đủ điều kiện thanh toán, thu hồi/hoàn trả tạm ứng; tổng hợp vướng mắc.	Phòng Kinh tế; Ban QLDA; nhà thầu; Văn phòng	Tăng cường kiểm soát khối lượng và tài chính.
5	08-09/6/2026	Buổi làm việc và Thông báo kết luận của PCT UBND xã	Xác định khối lượng mới khoảng 10,27%, tiến độ rất chậm; yêu cầu hoàn thiện thủ tục, nghiệm thu, bố trí đủ máy móc nhân lực; làm rõ trách nhiệm; sau 30/6 nếu không đạt yêu cầu trả ứng thì báo cáo cơ quan chức năng.	Ban QLDA; Chủ đầu tư; nhà thầu; Phòng Kinh tế	Mốc cảnh báo xử lý mạnh hơn.
6	Tháng 6/2026	Các văn bản nghiệm thu/chuyển bước và đôn đốc của Văn phòng	Yêu cầu Ban QLDA/TVGS thực hiện đầy đủ trách nhiệm; kiểm tra tim tuyến, cao độ, mặt cắt; nghiệm thu chuyển bước; nhà thầu huy động nguồn lực và hoàn thiện hồ sơ chất lượng.	Ban QLDA/TVGS; nhà thầu	Tiến độ, hồ sơ nghiệm thu vẫn chưa đáp ứng.
7	15/7/2026	Thông báo kết luận của PCT UBND xã	Yêu cầu nhà thầu huy động đầy đủ nguồn lực; Ban QLDA quản lý, giám sát tiến độ/chất lượng và báo cáo hằng tuần; Văn phòng theo dõi, phối hợp nghiệm thu, thu hồi tạm ứng.	Nhà thầu; Ban QLDA; Văn phòng; Phòng Kinh tế	Cảnh báo xem xét chế tài nếu tiếp tục không đạt tiến độ.
8	10/8/2026	Cuộc họp do Chủ tịch UBND xã chủ trì	Đánh giá nguy cơ nghiêm trọng về giải ngân, thu hồi tạm ứng; chỉ rõ tồn tại của Ban QLDA/TVGS, nhà thầu và Chủ đầu tư; ấn định mốc khắc phục và cam kết tiến độ.	Các chủ thể dự án	Yêu cầu báo cáo hằng tuần từ 11/8.
9	20/8/2026	Quyết định số 470/QĐ-UBND	Thành lập Tổ công tác đặc biệt để tập trung xử lý tiến độ, hồ sơ, khối lượng, chất lượng và các vướng mắc của dự án.	Tổ công tác đặc biệt và các đơn vị liên quan	Tăng cường cơ chế kiểm tra trực tiếp.

STT	Thời gian	Văn bản/hoạt động	Nội dung chỉ đạo, đôn đốc trọng tâm	Đối tượng thực hiện	Kết quả/ghi chú
10	21-23/8/2026	Buổi làm việc và Thông báo kết luận của Tổ trưởng Tổ công tác	Phân 3 nhóm: hồ sơ pháp lý/chất lượng/thanh toán; tiến độ/khối lượng hiện trường; GPMB. Yêu cầu nhà thầu lập kế hoạch, huy động đủ nhân lực, thiết bị, vật liệu và hoàn thiện hồ sơ.	Tổ công tác; nhà thầu; TVGS	Theo dõi cam kết đạt tối thiểu 60% theo mốc đã giao.
11	25/8/2026	Biên bản kiểm tra hiện trường	Rà soát các vị trí tim tuyến, cao độ có vướng mắc; yêu cầu tư vấn thiết kế khảo sát, Ban QLDA rà soát, nhà thầu không tự ý thi công khác thiết kế khi chưa được xử lý theo trình tự.	Tư vấn thiết kế; Ban QLDA; nhà thầu; Chủ đầu tư	Căn cứ xử lý kỹ thuật, không hợp thức hóa sai khác.

PHỤ LỤC 02
BẢNG XÁC ĐỊNH TỒN TẠI/VI PHẠM - CĂN CỨ, CHỨNG CỨ - CHỦ THỂ LIÊN QUAN - BIỆN PHÁP XỬ LÝ ĐỀ XUẤT

(Kèm theo Báo cáo số 35../BC-VP ngày .../10/2026 của Văn phòng HĐND và UBND xã Lùng Phình)

STT	Tồn tại/vi phạm cần làm rõ	Căn cứ, chứng cứ cần đối chiếu	Chủ thể liên quan	Biện pháp xử lý đề xuất
1	Chậm tiến độ nghiêm trọng; nhiều lần không đạt mốc tiến độ/chỉ đạo, đến cuối kỳ khối lượng thực hiện vẫn thấp so với giá trị hợp đồng.	Hợp đồng xây lắp và phụ lục; tiến độ được chấp thuận; Giấy mời 22/4 và lần 2 ngày 07/5; VB 575/UBND-VP ngày 12/5; TBKL 09/6, 15/7, 10/8, 23/8; biên bản kiểm tra hiện trường; xác nhận khối lượng.	Liên danh nhà thầu; trách nhiệm giám sát/đôn đốc của Ban QLDA/TVGS được xem xét theo hợp đồng.	Lập hồ sơ vi phạm theo từng mốc; yêu cầu giải trình/khắc phục; xác định chế tài đúng điều khoản hợp đồng. Nếu đủ điều kiện, xem xét bảo lãnh, tạm dừng/chấm dứt hợp đồng và các biện pháp khác theo thẩm quyền.
2	Không huy động đủ nhân sự chủ chốt tại hiện trường.	Hồ sơ dự thầu/trúng thầu; danh sách nhân sự được chấp thuận; biên bản/ảnh kiểm tra hiện trường tháng 9/2026.	Liên danh nhà thầu.	Yêu cầu giải trình, bổ sung nhân sự đáp ứng điều kiện; xác định thời gian vi phạm; xử lý theo điều khoản hợp đồng/hồ sơ mời thầu nếu đủ căn cứ.
3	Số lượng công nhân thực tế thấp hơn phương án huy động.	Biểu đồ nhân lực trong hồ sơ dự thầu; nhật ký thi công; biên bản kiểm tra, chấm công/nhật ký máy nếu có.	Liên danh nhà thầu.	Yêu cầu kế hoạch huy động có mốc thời gian; theo dõi hằng ngày/tuần; gắn với tiến độ khắc phục cụ thể.
4	Nhiều máy móc, thiết bị theo hồ sơ trúng thầu chưa có tại hiện trường.	Hồ sơ dự thầu; danh mục thiết bị; biên bản kiểm tra hiện trường tháng 9/2026.	Liên danh nhà thầu.	Yêu cầu huy động hoặc chứng minh thiết bị thay thế tương đương theo quy định/hợp đồng; xử lý vi phạm nếu không đáp ứng.
5	Khối lượng móng cấp phối, một số hạng mục chưa đủ điều kiện nghiệm thu.	Nhật ký, biên bản hiện trường, hồ sơ chất lượng, kết quả kiểm tra chiều dày/lu lèn/khuôn đường.	Nhà thầu; Ban QLDA/TVGS trong phạm vi kiểm soát chất lượng.	Không nghiệm thu/thanh toán khi chưa đủ điều kiện; yêu cầu hoàn thiện, thí nghiệm, kiểm tra lại; xác định rõ trách nhiệm nếu thi công không đạt.
6	Hồ sơ quản lý chất lượng, nghiệm thu có thời điểm chưa đồng bộ với khối lượng thi công.	Văn bản nghiệm thu chuyển bước lần 2, 3, 4; hồ sơ chất lượng thực tế.	Nhà thầu lập hồ sơ; Ban QLDA/TVGS kiểm tra, xác nhận theo hợp đồng.	Lập danh mục hồ sơ còn thiếu; ấn định thời hạn hoàn thành; không thanh toán phần chưa đủ hồ sơ.

STT	Tồn tại/vi phạm cần làm rõ	Căn cứ, chứng cứ cần đối chiếu	Chủ thể liên quan	Biện pháp xử lý đề xuất
7	Số dư tạm ứng chưa thu hồi còn lớn, tiềm ẩn rủi ro vốn Nhà nước.	Hợp đồng; bảo lãnh tạm ứng; chứng từ Kho bạc; bảng đối chiếu thanh toán/thu hồi tạm ứng.	Nhà thầu; Chủ đầu tư quản lý thu hồi; các bên liên quan theo hợp đồng.	Đối chiếu chính xác công nợ; rà soát hiệu lực bảo lãnh; lập phương án thu hồi qua khối lượng, bảo lãnh và biện pháp hợp pháp khác.
8	Công tác quản lý, giám sát và cảnh báo tiến độ chưa tạo chuyển biến rõ rệt.	Hợp đồng tư vấn số 10/2025/HĐTV; nhật ký giám sát; báo cáo định kỳ; các văn bản Chủ đầu tư đã đôn đốc.	Ban QLDA/TVGS; Chủ đầu tư xem xét trách nhiệm quản lý, kiểm tra việc thực hiện hợp đồng tư vấn.	Yêu cầu báo cáo giải trình; đối chiếu nghĩa vụ hợp đồng; xác định phần việc chưa thực hiện/không kịp thời và biện pháp xử lý tương ứng.
9	Phát sinh vị trí cần rà soát tim tuyến, cao độ, giải pháp kỹ thuật.	Biên bản kiểm tra hiện trường 25/8/2026; hồ sơ thiết kế được duyệt; kết quả khảo sát/đề xuất điều chỉnh nếu có.	Tư vấn thiết kế; Ban QLDA/TVGS; nhà thầu; Chủ đầu tư quyết định/trình theo thẩm quyền.	Phân định rõ nguyên nhân: thiết kế, thi công sai hay điều kiện khách quan; không dùng điều chỉnh thiết kế để hợp thức hóa phần thi công sai; chỉ thi công khác thiết kế sau khi được xử lý đúng trình tự.
10	Khó khăn của Chủ đầu tư do thiếu cán bộ chuyên trách và phụ thuộc nhiều vào đơn vị tư vấn ở xa hiện trường.	Quyết định giao nhiệm vụ; cơ cấu nhân sự Văn phòng; hợp đồng quản lý dự án/TVGS; thực tế phối hợp.	Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn.	Giao một đầu mối theo dõi xuyên suốt; yêu cầu cán bộ tư vấn thường trực ở giai đoạn trọng điểm; chế độ báo cáo tuần; quy định thời hạn phản hồi và cơ chế họp xử lý ngay tại hiện trường.
11	Việc phối hợp, chấp hành yêu cầu làm việc/đôn đốc có thời điểm chưa nghiêm; hồ sơ thể hiện nhà thầu không cử đại diện dự buổi làm việc ngày 24/4/2026.	Giấy mời họp lần 2 tháng 5/2026; biên bản/giấy mời, văn bản giao nhận; các văn bản yêu cầu báo cáo và cam kết tiến độ.	Liên danh nhà thầu; đồng thời xem xét trách nhiệm đôn đốc, ghi nhận của đơn vị QLDA/TVGS.	Tổng hợp thành chuỗi chứng cứ về mức độ hợp tác và chấp hành chỉ đạo; yêu cầu giải trình; sử dụng cùng chứng cứ tiến độ/hợp đồng khi đánh giá vi phạm, không coi riêng việc vắng họp là căn cứ duy nhất để áp dụng chế tài hợp đồng.